TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 205/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 09 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 323/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1998; địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và anh **Nguyễn Minh Tới E**, sinh năm 1993; địa chỉ: xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Tới E và chị Nguyễn Thị Hồng T cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận anh E và chị T thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của anh, chị về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Ngày 01/7/2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh E và chị T đoàn tụ; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên anh E và chị T đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, sự quan tâm, chăm sóc và tình cảm yêu thương nhau không còn nên không đồng ý đoàn tụ và cương quyết yêu cầu Tòa án công nhận việc anh E và chị T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh E và chị T đã thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/02/2016 cho anh E nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

[3] Về nợ chung và tài sản chung: Anh E và chị T đều khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của anh E, chị T.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Tới E và chị Nguyễn Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh E có 01 con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/02/2016. Chị T và anh E thỏa thuận giao con chung cho anh E nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0002380 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đồng Nai được trừ vào số tiền lệ phí chị T phải nộp. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND xã Thanh Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thái